

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN D  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 11-3-2021  
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Ông Nguyễn Hoàng Thân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rur - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án số 16/TB-TA ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã B, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Có mặt”

Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ X, khu phố P, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.  
“Vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/8/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

*Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn T quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05/7/2012. Sau khi

kết hôn, vợ chồng về sống chung tại Tổ X, khu phố P, thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Hai bên đã sống L thân từ giữa năm 2019 đến nay. Bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn ông T.

*Về con chung:* Bà L và ông T có 02 con chung tên là Võ Thị Thảo M, sinh ngày 07/11/2012 và Võ Thị Thảo V, sinh ngày 14/10/2016. Hiện nay, cháu V đang sống với bà L, còn cháu M đang sống với ông T. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, giao cháu M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn – ông Võ Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, kèm theo giấy triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành pháp luật nên xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn ông T; về con chung, đề nghị giao cháu Võ Thị Thảo V cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Võ Thị Thảo M cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; bà L và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện D nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Võ Văn T có nơi cư trú tại thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và

xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm mở ngày 29/01/2021 và ngày 11/3/2021, nhưng ông Võ Văn T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Võ Văn T theo quy định.

[2]. *Về hôn nhân*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 109, ngày 05/7/2012 của Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau. Hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2019 đến nay, không còn phụ thuộc nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không thể đoàn tụ sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà L được ly hôn ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. *Về con chung*: Bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Thị Thảo V và yêu cầu giao cháu Võ Thị Thảo M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu V đang ở với bà L, còn cháu M đang ở với ông T, đồng thời cháu V có nguyện vọng được ở với ông T nếu bà L và ông T ly hôn. Vì vậy, giao cháu M cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên ông T và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản và nợ chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn là bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Võ Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cháu Võ Thị Thảo V, sinh ngày 14/10/2016 cho bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Võ Thị Thảo M,

sinh ngày 07/11/2012 cho ông Võ Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị L và ông Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008708 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND thị trấn PB, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Duy**